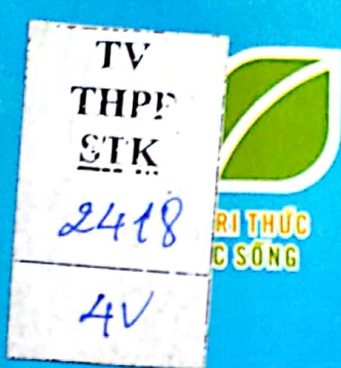




PHẠM THỊ CHÍN – TRẦN KIM PHƯƠNG – ĐẶNG THỊ HẢO TÂM

Luyện tập TIẾNG VIỆT

Lớp **2**

TẬP MỘT



NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

Được quốc bang C

EM LỚN LÊN TỪNG NGÀY

Tuần

1

Tiết 1



NGÔI TRƯỜNG MỚI

Trường mới của em xây trên nền ngôi trường cũ lợp lá. Nhìn từ xa, những mảng tường vàng, ngói đỏ như những cánh hoa lấp ló trong cây.

Em bước vào lớp, vừa ngỡ vừa thấy quen thân. Tường vôi trắng, cánh cửa xanh, bàn ghế gỗ xoan đào nổi vân như lụa. Em thấy tất cả đều sáng lên và thơm tho trong nắng mùa thu.

Dưới mái trường mới, sao tiếng trống rung động kéo dài! Tiếng cô giáo trang nghiêm mà ấm áp. Tiếng đọc bài của em cũng vang vang đến lạ! Em nhìn ai cũng thấy thân thương. Cả đến chiếc thước kẻ, chiếc bút chì sao cũng đáng yêu đến thế!

(Theo Ngô Quân Miện)



1. Ngôi trường mới của bạn nhỏ được xây ở đâu?

.....

2. Khi bước vào lớp, bạn nhỏ có cảm xúc gì?

.....

3. Lớp học của bạn nhỏ được tả như thế nào?

a) Tường:

b) Cánh cửa:

c) Bàn ghế:

4. Dưới mái trường mới, bạn nhỏ có cảm nhận gì về những âm thanh?

a) Tiếng trống:

b) Tiếng cô giáo:

c) Tiếng đọc bài của em:

5. Theo em, vì sao bạn nhỏ nhìn ai cũng thấy thân thương?

.....

Tiết 2

1. Xếp các từ ngữ dưới đây vào nhóm phù hợp.

trường, cô giáo, tường, thầy, bàn ghế, cánh cửa, em, bạn bè,
thước kẻ, lớp, lớp trưởng

CHỈ NGƯỜI

cô giáo,.....

.....

CHỈ VẬT

trường,.....

.....

2. Đặt 2 câu với những từ ngữ ở bài tập 1.

Mẫu (M): Em yêu trường em.

.....

.....

3. Gạch chân những từ ngữ chỉ hoạt động trong đoạn thơ dưới đây:

Hôm qua em tới trường

Mẹ dắt tay từng bước

Hôm nay mẹ lên nường

Một mình em tới lớp.

(Minh Chính)

4. Nối từ ngữ ở cột A với từ ngữ ở cột B để tạo câu giới thiệu.

Lớp em

là vườn thực nghiệm của trường.

Chú của Hà

là lớp 2A.

Khu vườn này

là bộ đội ở Trường Sa.

Tiết 3

1. Điền *ch* hoặc *tr* vào chỗ trống trong đoạn thơ sau:

Mười quả ứng òn

Mẹ gà ấp ủ

Hôm nay ra đủ

Mười ú gà con

Cái mỏ tí hon

Cái ăn bé xiu.

(Theo Phạm Hồ)

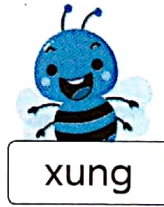
2. Nối từng con ong với bông hoa phù hợp.



xinh



sinh



xung



sung



sống



xắn



sướng



phong

3. Em thích lời giới thiệu của bạn nhỏ nào dưới đây?

Tớ là
Đại Nghĩa. Nhà tớ
ở Phường Trưng Trắc.
Tớ thích nhất là chơi
đá bóng. Tớ muốn
sau này trở thành
cầu thủ
bóng đá.

Tớ là
Hà Phương.
Tớ đang học lớp 2B.
Tớ thích xem
phim hoạt hình.
Mong ước của tớ
là trở thành
diễn viên.

Tớ là
Thảo My.
Tớ thích chơi
nấu ăn. Sau này,
tớ muốn trở thành
một đầu bếp
giỏi.



4. Em hãy viết 3 câu giới thiệu về bản thân, trong đó có một câu nói về ước mơ của mình.

.....

.....

.....

.....

.....

.....



Tiết 1

BÉ VÀ CHIM CHÍCH BÔNG

Buổi sáng, bé dậy sớm, ngồi học bài. Dậy sớm học bài là một thói quen tốt. Nhưng phải cố gắng lắm mới có được thói quen ấy. Rét ghê. Thế mà bé vùng dậy, chui ra được khỏi cái chăn ấm. Bé ngồi học bài.

Rồi trời ấm dần. Phải rồi, khi chim sâu ra ăn đàn, thế là trời nắng ấm. Chim sâu nhiều thế! Nó bay tràn ra vườn cải. Cả đàn ủa xuống, lú lú trên những luống rau trồng muộn.

Bé hỏi:

– Chích bông ơi, chích bông làm gì thế?

Chim trả lời:

– Chúng em bắt sâu.

Chim lại hỏi bé:

– Chị bé làm gì thế?

Bé ngẩn ra rồi nói:

– À... Bé học bài.

(Tô Hoài)



1. Buổi sáng, bạn nhỏ thường có thói quen gì? (khoanh vào chữ cái trước đáp án đúng)

- a. Dậy sớm học bài
- b. Chui trong chăn ấm
- c. Bắt sâu cho cây

2. Ba câu cuối của đoạn 1 cho biết điều gì?

- a. Bé không ngại dậy sớm.
- b. Bé rất quyết tâm dậy sớm.
- c. Bé thích dậy sớm.

3. Từ ngữ nào nói về thời tiết?

- a. Trời trời ấm dần
- b. Khi chim sâu ra ăn đàn thật nhiều
- c. Khi vườn cải trổ hoa

4. Chim sâu xuống vườn cải để làm gì?

.....

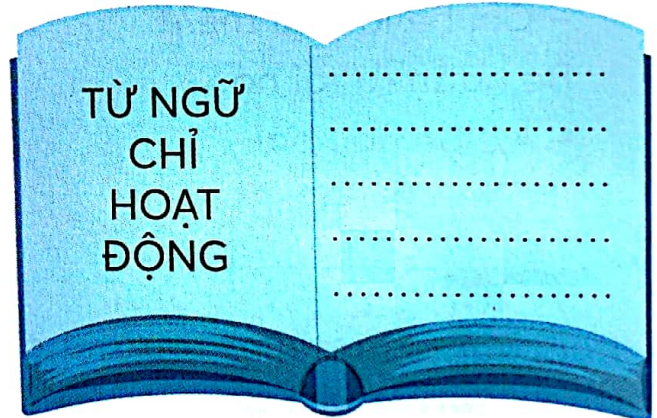
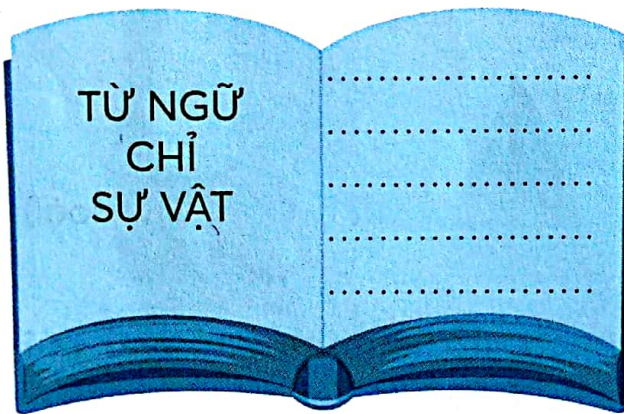
5. Trong bài đọc này, theo em, ai đáng khen?

.....

Tiết 2

1. Viết các từ ngữ dưới đây vào đúng trang sách của nó.

học, chích bông, bay, luống rau, làm, chui ra, bài, ùa xuống,
vườn cải, cái chăn



2. Đặt 2 câu với 2 từ ngữ chỉ hoạt động ở bài tập 1.

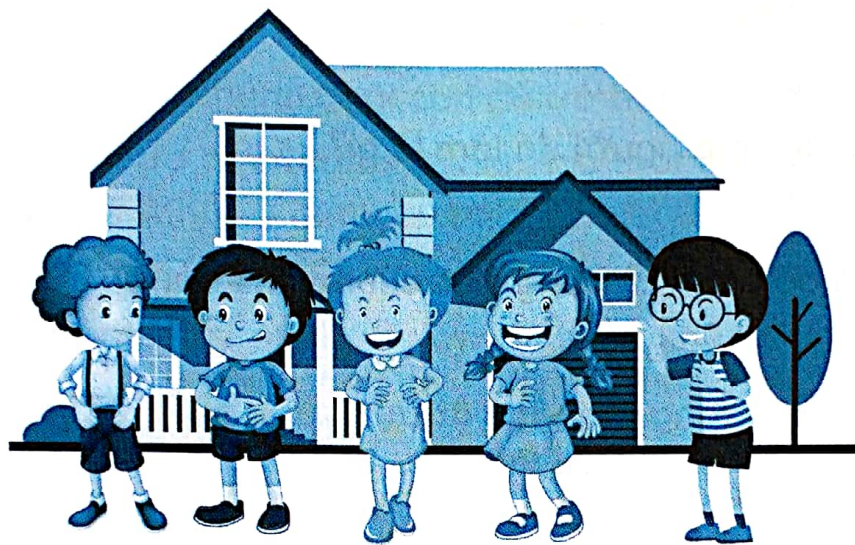
.....
.....
.....
.....

3. Khoanh vào chữ cái trước những câu nêu hoạt động.

- a. Dậy sớm học bài là một thói quen tốt.
- b. Chim sâu bay tràn ra vườn cải.
- c. Chúng em bắt sâu.

Tiết 3

1. Đồ em: Hai bạn nào cần đổi chỗ cho nhau để tên của tất cả các bạn theo đúng thứ tự trong bảng chữ cái?



1 2 3 4 5

Dương Đông Mai Kiên Hạnh

Đổi chỗ bạn cho bạn

2. Viết lại tên các bạn dưới đây theo đúng thứ tự trong bảng chữ cái:

Giang

An

Bình

Hà

Kiên

1.

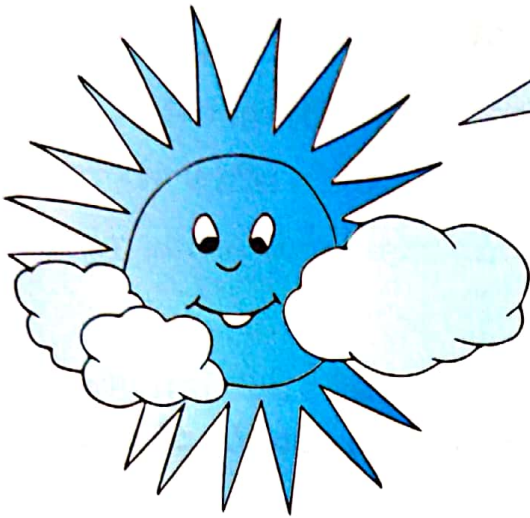
2.

3.

4.

5.

3. Đọc lời giới thiệu của mặt trời và trả lời câu hỏi.



Tớ là mặt trời. Tớ mang ánh sáng cho trái đất và cỏ cây muôn loài. Tớ rất thích công việc của mình.

a) Lời giới thiệu trên đây là của ai?

.....

b) Công việc mà người đó làm là gì?

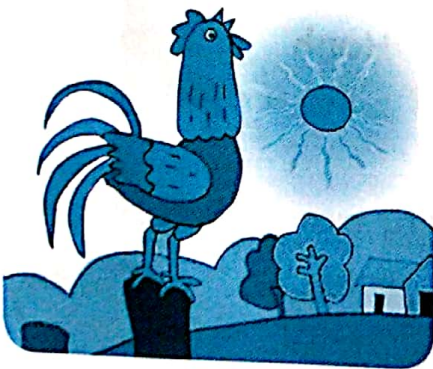
.....

c) Người đó có thích công việc của mình không?

.....

4. Đóng vai một trong 3 nhân vật dưới đây, viết 3 câu giới thiệu về công việc mà nhân vật đó làm.

Tớ gọi mọi người thức dậy.



Tớ báo giờ.



Tớ quét nhà.



.....

.....

.....

.....

Tiết 1



BÉ MAI ĐÃ TRỞ THÀNH NGƯỜI LỚN NHƯ THẾ NÀO

Bé Mai rất thích làm người lớn. Bé thử đủ mọi cách: bé đi dép của mẹ, bé cài trâm lên mái tóc theo kiểu của cô. Bé lại còn đeo cả đồng hồ tay nữa. Nhưng chẳng có kết quả. Mọi người chỉ nhìn bé, cười chế giễu.

Một lần, bé Mai thử quét nhà như mẹ. Bé quét sạch đến nỗi mẹ phải ngạc nhiên:

– Bé Mai của mẹ, chẳng phải con đã trở thành người lớn rồi?

Và khi bé Mai rửa bát đĩa thật sạch, lau thật khô thì cả bố lẫn mẹ đều lấy làm lạ. Lúc ngồi ăn cơm, bố nói:

– Lạ thật, bé Mai nhà ta đã lớn từ lúc nào mà chúng ta không thấy!

Mai cũng cảm thấy mình đã lớn thật. Bé không đi dép của mẹ, không cài trâm, không đeo đồng hồ. Rõ ràng những thứ ấy không làm cho trẻ con thành người lớn được.

(Theo *Tiếng Việt lớp 2 tập một*, NXB Giáo dục, 2000)



1. Lúc đầu, bé Mai tập làm người lớn bằng cách nào?

.....

.....

2. Cách làm của Mai thu được kết quả như thế nào?

- a. Mọi người khen ngợi bé đã lớn.
- b. Mọi người chỉ nhìn bé, cười chế giễu.
- c. Bố, mẹ đều lấy làm lạ.

3. Những việc làm nào của bé Mai khiến bố mẹ và Mai cảm thấy Mai đã lớn?

☐ đeo đồng hồ ☐ quét nhà ☐ rửa bát đĩa ☐ cài trâm lên tóc

4. Theo em, muốn trở thành người lớn, phải như thế nào?

- a. Phải ăn mặc giống mẹ
- b. Phải đi lại, nói năng giống bố
- c. Phải biết giúp đỡ bố mẹ

Ý kiến khác của em:

5. Hãy kể tên những việc em đã làm ở nhà để giúp đỡ bố mẹ.

.....
.....

Tiết 2

1. Khoanh vào những từ chỉ đặc điểm.

ống khói đẹp cao mái nhà mát mẻ
xinh xắn xanh tươi cây cối cửa sổ

2. Đặt 2 câu nêu đặc điểm với các từ ngữ ở bài tập 1.

.....
.....
.....

3. Gạch chân những từ chỉ đặc điểm trong đoạn văn.

Trong hồ rộng, sen đang lụi tàn. Những chiếc lá to như cái sàng màu xanh sẫm đã quăn mép, khô dần. Hoa hoẵng mới còn vài lá non xanh, nhỏ nhỏ, xoè trên mặt nước.

(Nguyễn Văn Chương)

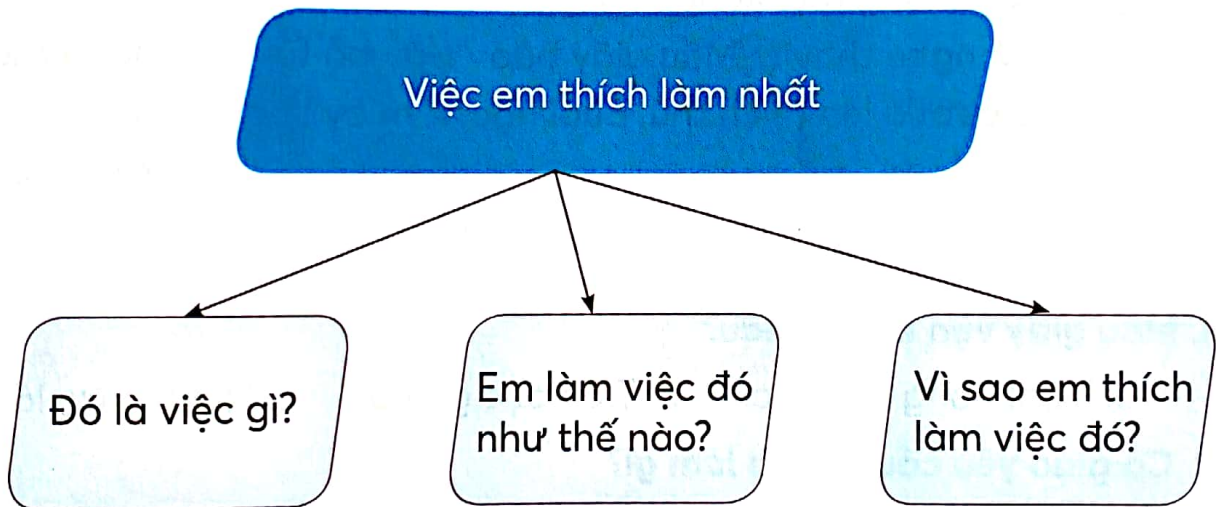
Tiết 3

1. Viết các chữ cái hoặc tên chữ cái còn trống vào bảng dưới đây.

TT	Chữ cái	Tên chữ cái
8	e	
9		ê
10		giê
11	h	
12		i
13		ca
14		e-lờ

TT	Chữ cái	Tên chữ cái
15		em-mờ
16		en-nờ
17	o	
18	ô	
19		ơ
20		pê
21		quy

2. Viết 3 – 4 câu kể về việc em thích làm nhất khi ở nhà.



.....

.....

.....

.....

.....

Tiết 1



MẪU GIẤY Vụn

Lớp học rộng rãi, sáng sủa, sạch sẽ nhưng không biết ai vứt một mẫu giấy ngay giữa lối vào. Cô giáo bước vào lớp, mỉm cười:

– Lớp ta hôm nay sạch sẽ quá! Thật đáng khen! Nhưng các em có nhìn thấy mẫu giấy đang nằm ngay giữa cửa kia không?

– Có ạ! Cả lớp đồng thanh đáp.

– Nào! Các em hãy lắng nghe và cho cô biết mẫu giấy đang nói gì nhé! – Cô giáo nói tiếp.

– Thưa cô, giấy không nói được đâu ạ!

Nhiều tiếng xì xào hưởng ứng: “Thưa cô, đúng đấy ạ!”.

Bỗng, một em bé gái đứng dậy, tiến tới chỗ mẫu giấy, nhặt lên rồi mang bỏ vào thùng rác. Xong xuôi, em mới nói:

– Em có nghe thấy ạ. Mẫu giấy bảo: “Hãy bỏ tôi vào thùng rác!”.

Cả lớp cười ồ lên thích thú. Buổi học hôm ấy thích quá!

(Theo Quế Sơn)



1. Mẫu giấy vụn nằm ở đâu?

- a. Hành lang lớp học b. Trên bục giảng c. Ngay giữa lối vào

2. Cô giáo yêu cầu cả lớp làm gì?

- a. Nhặt mẫu giấy
b. Lắng nghe xem mẫu giấy nói gì
c. Cho cô biết ai đã vứt mẫu giấy ở đó

3. Khi cô giáo nói “Các em hãy lắng nghe và cho cô biết mẫu giấy đang nói gì nhé!”, em hiểu cô muốn nhắc nhở học sinh điều gì?

.....

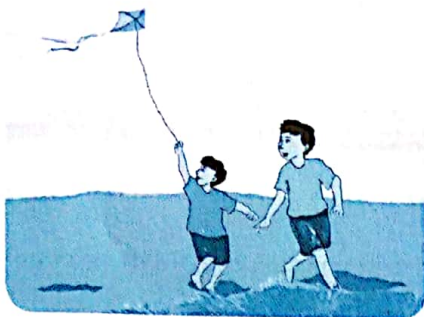
4. Em có nhận xét gì về hành động của bé gái?

.....

Tiết 2

1. Viết tên trò chơi dân gian và tên sự vật dưới mỗi tranh:

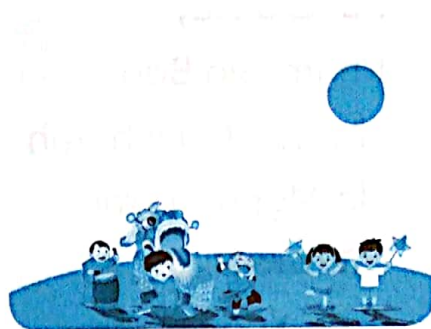
a)



Trò chơi:

Sự vật:

b)



Trò chơi:

Sự vật:

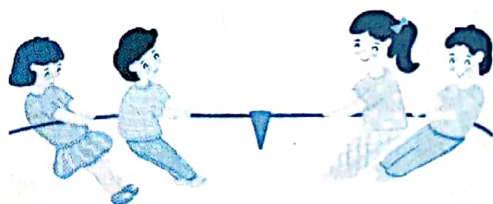
c)



Trò chơi:

Sự vật:

d)



Trò chơi:

Sự vật:

2. Viết tên 5 môn thể thao mà em biết:

M: bóng rổ,

3. Câu nào dưới đây là câu nêu hoạt động?

- Lớp học rộng rãi, sáng sủa, sạch sẽ.
- Bạn nhỏ nhặt mẫu giấy lên rồi mang bỏ vào thùng rác.
- Cô giáo là người rất vui tính.

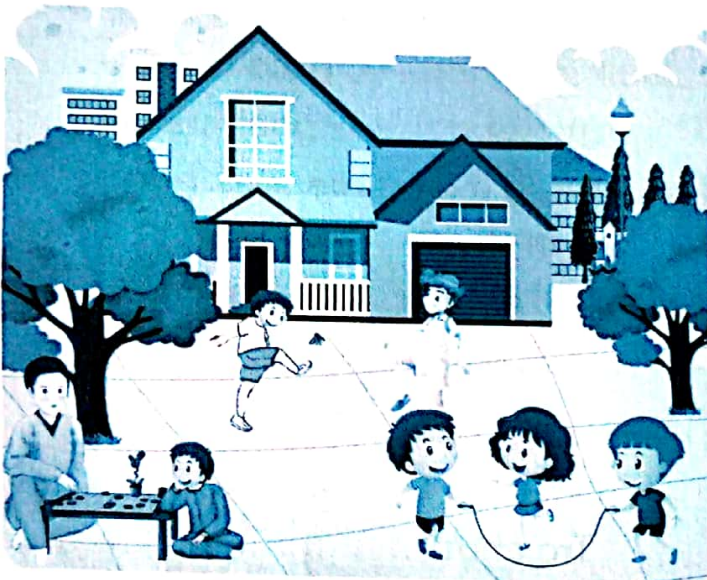
Tiết 3

1. Viết lại họ và tên các bạn dưới đây theo thứ tự trong bảng chữ cái.

Bùi Gia Huy
Phạm Gia Bảo
Nguyễn Quỳnh Anh
Hà Mạnh Cường
Vũ Đức Huy
Trần Xuân Cảnh

1	
2	
3	
4	
5	
6	

2. Viết 3 – 5 câu kể về một trò chơi hay một hoạt động thể thao mà em đã tham gia ở nhà với người thân hoặc bạn bè.



Gợi ý (G):

- Hoạt động thể thao hay trò chơi em tham gia là gì?
- Em tham gia cùng với ai? Vào lúc nào? Ở đâu?
- Em và người đó chơi như thế nào?
- Em cảm thấy thế nào khi tham gia hoạt động đó?

Tham khảo:

Vào ngày nghỉ cuối tuần, em và chị My hàng xóm hay chơi trò nấu ăn. Hai chị em bày hết đồ ra sàn nhà. Người thì nấu cơm, người thì tráng trứng, luộc rau,... Chỉ một loáng, hai chị em đã nấu được một mâm cơm thịnh soạn. Chúng em chơi với nhau rất vui vẻ. Em rất thích trò chơi nấu ăn.

.....

.....

.....

.....

.....

ĐI HỌC VUI SAO

Tuần 5

Tiết 1



HAI BÀN TAY EM

(Trích)

Hai bàn tay em
Như hoa đầu cành
Hoa hồng hồng nụ
Cánh tròn ngón xinh.

Đêm em nằm ngủ
Hai hoa ngủ cùng
Hoa thì bên má
Hoa ấp cạnh lòng.

Tay em đánh răng
Răng trắng hoa nhài
Tay em chải tóc
Tóc ngời ánh mai.

Giờ em ngồi học
Bàn tay siêng năng
Nở hoa trên giấy
Từng hàng giăng giăng.

(Huy Cận)

Từ ngữ

Giăng giăng: dàn ra theo chiều ngang.



1. Hai bàn tay của bé giống với sự vật nào?

- a. Hoa đầu cành b. Bàn chải răng c. Lược

2. Hai bàn tay bé đã làm những gì?

- a. Hái hoa b. Đánh răng c. Chải tóc d. Viết bài

3. Hai bàn tay thân thiết với bé như thế nào?

- a. Khi bé nằm ngủ, hai bàn tay ngủ cùng.
- b. Tay cùng bé đánh răng, chải tóc, viết bài.
- c. Tay thủ thỉ nói chuyện với bé khi bé có một mình.
- d. Tất cả các ý trên

4. Em thích nhất khổ thơ nào? Vì sao?

Em thích nhất khổ thơ thứ vì

.....

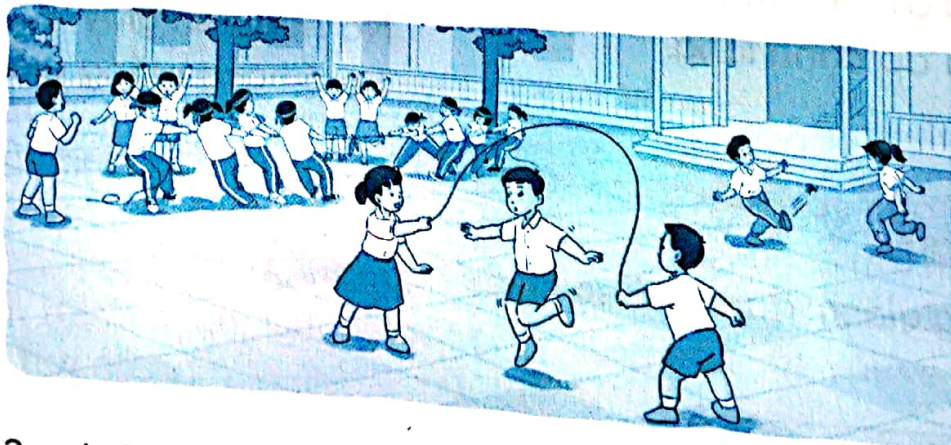
Tiết 2

1. Xếp các từ sau vào nhóm phù hợp.

tay, hoa, nằm, chải, răng, ngồi, giấy

Từ chỉ sự vật	Từ chỉ hoạt động
.....	
.....	

2. Quan sát tranh và thực hiện yêu cầu.



- a) Viết 3 – 4 từ ngữ chỉ sự vật:
 - b) Viết 3 – 4 từ ngữ chỉ hoạt động:
 - c) Viết một câu nêu hoạt động:
-

3. Viết tiếp câu nêu hoạt động.

- a) Cô giáo em
b) Các bạn học sinh

Tiết 3

1. Điền vào chỗ trống:

a) tr hoặc ch

Góc sân nho nhỏ mới xây
Chiềuiều em đứng nơi này emông
Thấyời xanh biếc mênh mông
Cánh cò ...ớp trắngên sông Kinh Thầy.

(Theo Trần Đăng Khoa)

b) c hoặc k

Rồi côể chuyện thỏ
Chuyện bác gấu, chuyện voi
Chuyện nhỏây củ cải
Choả lớp cùng chơi.

Em yêuô giáo thế
Như yêu mẹủa em
Thầm thì em gọi nhỏ:
"Cô giáo hiềnủa em".



(Theo Trần Đăng Khoa)

2. Chọn tiếng trong ngoặc đơn điền vào chỗ trống.

- a) (dùng, dùng): này người ta hay ngựa để kéo xe.
b) (vất, vất): Chú tôi đi xem các bác nông dân sữa bò.
c) (dàng, vàng): Cậu ấy vượt qua đối thủ áo một cách khá dễ

3. Nam kể về lịch trình buổi sáng của bạn ấy như sau:

Buổi sáng, tớ thức dậy lúc 6 giờ. Làm vệ sinh cá nhân xong, cứ 6 giờ 30 là mẹ gọi tớ xuống bếp ăn sáng. Có hôm mẹ làm phở, có hôm là cơm rang. Món nào mẹ làm cũng ngon. Đúng 7 giờ, bố chở tớ đến trường. Tiết học thứ nhất bắt đầu lúc 7 giờ 30. Bạn nào cũng mong đến 9 giờ để được ra chơi. Giờ học buổi sáng kết thúc lúc 10 giờ 30. Đến 11 giờ, cả lớp ăn trưa. Nếu 11 giờ 45 mà bạn nào chưa lên giường ngủ thì thế nào cô giáo cũng nhắc nhở.

Em hãy giúp Nam lập thời gian biểu buổi sáng vào bảng sau:

THỜI GIAN BIỂU BUỔI SÁNG

Họ và tên: Nguyễn Nhật Nam – Lớp 2E

Thời gian	Hoạt động
6 giờ 00	
.....	
7 giờ 00	
.....	Vào học tiết 1
9 giờ	
.....	
.....	
11 giờ 45	

Tiết 1



BÍM TÓC ĐUÔI SAM

Một hôm, Hà nhờ mẹ tết cho hai bím tóc, mỗi bím tóc buộc một cái nơ.

Khi Hà đến trường, mấy bạn gái cùng lớp reo lên: "Ài chà chà! Bím tóc đẹp quá!". Hà rất vui. Nhưng Tuấn bỗng sấn tới, nắm bím tóc và nói:

– Tớ mệt quá! Cho tớ vịn vào nó một lúc.

Tuấn lớn hơn Hà. Vì vậy, mỗi lần cậu kéo bím tóc, cô bé lại loạng choạng và cuối cùng ngã phịch xuống đất. Tuấn vẫn đùa dai, cứ cầm bím tóc mà kéo. Hà oà khóc rồi chạy đi mách thầy.

Thầy giáo nhìn hai bím tóc của Hà, cười nói:

– Đừng khóc, tóc em đẹp lắm!

Hà ngược khuôn mặt đầm đìa nước mắt lên, hỏi:

– Thật không ạ?

– Thật chứ!

Nghe thầy nói thế, Hà nín hỉn:

– Thưa thầy, em sẽ không khóc nữa.

Thầy giáo cười, Hà cũng cười.

Tan học, Tuấn đến trước mặt Hà, gỡ đầu ngượng nghịu:

– Tớ xin lỗi vì lúc nãy đã kéo bím tóc của bạn. Thầy giáo đã phê bình tớ. Thầy bảo phải đối xử tốt với các bạn gái.

(Phỏng theo Ku-rô-y-a-gi)

Từ ngữ

– *Tết*: đan, kết nhiều sợi thành dải.

– *Bím tóc đuôi sam*: tóc tết thành hai dải như đuôi con sam.

– *Loạng choạng*: đi, đứng không vững.

– *Sấn tới*: tiến tới một cách thô bạo, bất chấp tất cả.



1. Các bạn gái khen Hà thế nào?

- a. Xinh quá! b. Cái nơ đẹp quá! c. Bím tóc đẹp quá!

2. Tuấn đã làm gì khiến Hà oà khóc?

3. Thầy giáo đã giúp Hà vui lên bằng cách nào?

- a. Phê bình Tuấn trước mặt Hà.
b. Phạt Tuấn đứng nghiêm vào góc lớp.
c. Khen tóc của Hà rất đẹp.

4. Nghe lời thầy, Tuấn đã làm gì?

5. Hành động của Tuấn giúp em rút ra bài học gì khi chơi với bạn?

- a. Không đối xử thô bạo với bạn
b. Nếu mắc lỗi với bạn, hãy xin lỗi bạn với thái độ chân thành
c. Cả hai ý trên

Tiết 2

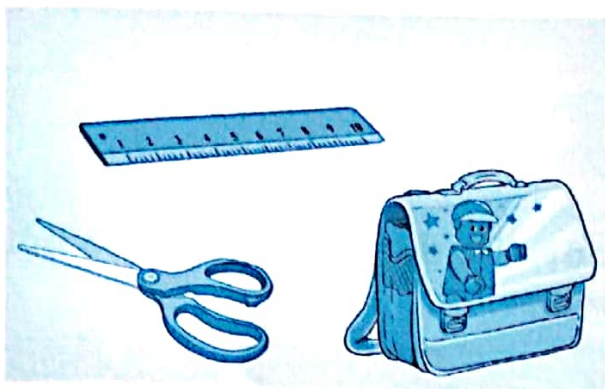
1. Tìm từ ngữ chỉ sự vật, chỉ đặc điểm trong hai đoạn thơ dưới đây.

a) Giữa đám lá mượt xanh
Treo từng chùm chuông nhỏ
Trắng xanh và hồng đỏ
Bừng sáng cả vườn quê.

b) Nhỏ như cái kẹo
Dẻo như bánh giầy
Học trò lâu nay
Vẫn dùng đến nó.

Từ ngữ chỉ sự vật	Từ ngữ chỉ đặc điểm
.....	
.....	
.....	

2. Đặt 2 câu nêu đặc điểm của sự vật trong hình.



M: Cái thước kẻ hình chữ nhật làm bằng nhựa cứng, trong suốt.

.....

.....

.....

.....

.....

3. Trong câu dưới đây, những từ ngữ nào nói về cái cặp sách như nói về con người?

Chiều nào ở trường về, cặp sách cũng phụng phịu, buồn bực vì anh Bo cứ nhét đầy sách vở, cả cái áo đồng phục to bự vào khiến nó muốn nứt căng cả bụng ra.

- a. phụng phịu, nứt căng
- b. phụng phịu, buồn bã
- c. buồn bã, to bự

Tiết 3

1. Điền:

a) *sinh* hoặc *xinh* vào chỗ trống

học đẹp tươi

giấy khai nhật hoạt lớp

b) *dấu hỏi* hoặc *dấu ngã* trên chữ in đậm

– Một **chư** cũng là thầy, **nư**a **chư** cũng là thầy

– Học, học **nư**a, học **mai**

2. Chọn g hoặc gh điền vào chỗ trống.

- a)ần nhà xa ngõ
- b) Lên thác xuốngềnh
- c)i lòng tạc dạ
- d)ạn đục khơi trong

3. Dựa vào các phiếu đăng kí dưới đây, lập danh sách các bạn đặt mua báo Văn Tuổi thơ, Nhi đồng, Chăm học.

VĂN TUỔI THƠ Lê Gia Bách Đào Tiến Minh Lê Ngọc Anh	NHI ĐỒNG Trần Mai Thu Thủy Nguyễn Thu Hoài	CHĂM HỌC Bùi Thành Đạt Vũ Anh Thư Trịnh Mai Nhi
--	---	---

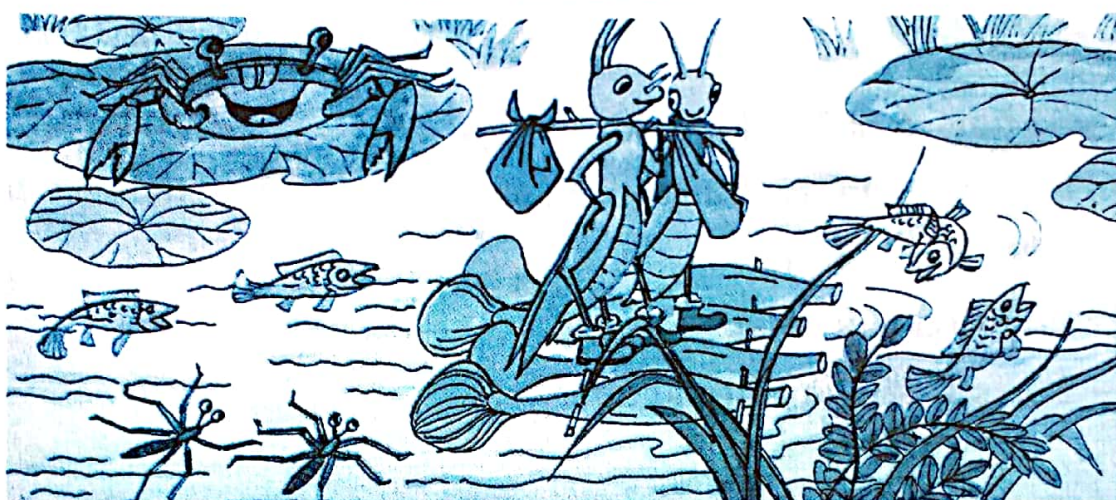
DANH SÁCH ĐẶT MUA BÁO

Số thứ tự	Họ và tên	Đặt mua báo
1		
2		
3		
4		
5		
6		
7		
8		

Tiết 1



TRÊN CHIẾC BÈ



Tôi và Dế Trũi rủ nhau đi ngao du thiên hạ. Chúng tôi ngày đi đêm nghỉ, cùng nhau say ngấm dọc đường.

Ngày kia, tôi đến một bờ sông, chúng tôi ghép ba bốn lá bèo sen lại, làm một chiếc bè. Bè theo dòng nước trôi băng băng.

Mùa thu mới chớm nhưng nước đã trong vắt, trông thấy cả hòn cuội trắng tinh nằm dưới đáy. Nhìn hai bên bờ sông, cỏ cây và những làng gần, núi xa luôn luôn mới. Những anh gọng vó đen sạm, gầy và cao, nghênh cặp chân gọng vó đứng trên bãi lầy bái phục nhìn theo chúng tôi. Những ả cua kênh giương đôi mắt lồi, âu yếm ngó theo. Đàn sần sắt và cá thêu dầu thoáng gặp đâu cũng lảng xảng cố bơi theo chiếc bè, hoan nghênh vánh cả mặt nước.

(Theo Tô Hoài, *Dế Mèn phiêu lưu kí*)

Từ ngữ

- Ngao du thiên hạ: đi dạo chơi khắp nơi.
- Bèo sen (bèo Nhật Bản, bèo lục bình): loại bèo có cuống lá phồng lên thành phao nổi.
- Lảng xảng: làm ra vẻ bận rộn, vội vã.
- Vánh: (nói, hét, kêu) rất to, đến mức chói tai.



1. Đế Mèn và Đế Trũi đi chơi xa bằng cách nào?

- a. Bằng chiếc bè gỗ
- b. Bằng chiếc bè nửa
- c. Bằng chiếc bè lá bèo sen

2. Trên đường đi, hai bạn nhìn thấy cảnh vật ra sao?

- Nước: – Hòn cuội:
- Cỏ cây và những làng gần, núi xa:

3. Tìm những từ ngữ tả thái độ của các con vật khi nhìn thấy hai bạn đế.

- Những anh gọng vó:
- Những ả cua kênh:
- Đàn sần sắt và cá thầu dầu:

Tiết 2

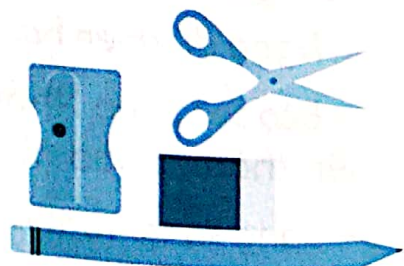
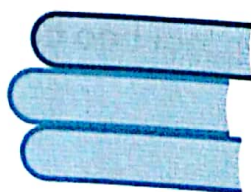
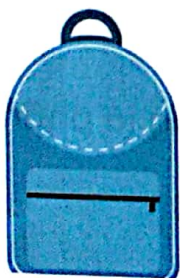
1. Từ ngữ nào dưới đây chỉ đặc điểm?

- | | | | |
|--------------|---------------|--------------|-------------|
| a. trong vắt | b. trắng tinh | c. bờ sông | d. đen sạm |
| e. gầy | g. cao | h. nhìn theo | i. cua kênh |

2. Viết tiếp từ ngữ thích hợp để hoàn chỉnh các câu nêu đặc điểm.

- a) Đôi mắt em bé
- b) xanh um.

3. Kể tên 5 đồ dùng học tập của em.



4. Điền dấu câu thích hợp vào ô trống.

Cặp sách ngày nào cũng phải mang rất nhiều thứ cho anh Bi đến trường ☐ Nó phàn nàn với anh bút máy:

– Tại sao anh Bi không biết thương chúng mình nhỉ ☐ Ngày nào anh ấy cũng nhét đầy các thứ vào bụng mình, có hôm muốn vỡ bụng ra. Cậu có bị anh Bi đối xử như thế không ☐

– Tớ cũng thế, có hôm anh ấy viết xong còn không thèm đặt nắp lại, quăng ngay tớ vào trong cặp ☐ – Bút máy tủi thân đáp.

Tiết 3

1. Điền vào chỗ trống:

a) *ng* hoặc *nh*

- Công cha như núi Thái Sơn
.....ĩa mẹ như nước tronguồn chảy ra
- Một chữ nên thầy, mộtày nênnghĩa.

b) *d, r* hoặc *gi*

- Lá lành đùm láách
-uột để ngoàia
-ang sơn gấm vóc
- Tiếng dừa làmịu nắng trưa
Gọi đànó đến cùng dừa mùaeo
Trời trong đầy tiếngìào
Đàn cò đánh nhịp bay vào baya.

(Theo Trần Đăng Khoa)

2. Tìm tiếng có vần *an* hoặc *ang* điền vào chỗ trống.

..... ghé hát hoá râm

3. Viết 3 – 4 câu giới thiệu về một trong những đồ dùng có ở góc học tập của em.

G:

- Em muốn giới thiệu đồ vật nào? (cái bàn học ở nhà, cái đồng hồ, cái đèn bàn, ống cắm bút, cặp sách,...)
- Đồ vật đó có đặc điểm gì?
- + Cái bàn học bằng gỗ màu nâu (bằng nhựa màu xanh) có ngăn kéo phía dưới. Mặt bàn hình chữ nhật trơn bóng.
- + Cái đồng hồ để bàn hình chú gấu màu hồng xinh xắn.
- + Cái ống cắm bút hình trụ bằng nhựa màu vàng cam với những bông hoa màu trắng thật dễ thương...
- Em dùng đồ vật đó như thế nào?
- + Mỗi buổi tối, em ngồi vào bàn học để học bài và chuẩn bị sách vở, đồ dùng cho ngày mai. Em luôn sắp xếp đồ đạc trên bàn ngăn nắp.
- + Cái đồng hồ nhắc nhở em giờ giấc mỗi ngày. Sáng sớm, nó đổ một hồi chuông rộn rã đánh thức em dậy.
- + Cái ống cắm bút giúp em chứa hàng chục cái bút chì, thước,... các loại rất gọn gàng và dễ sử dụng.
- Em có tình cảm gì đối với đồ vật đó? (thích, yêu quý, giữ gìn,...)

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Tiết 1



CHÚ BÉ NGƯỜI GỖ

Cậu bé người gỗ Pi-nô-ki-ô là con của bác thợ mộc Giê-pét-tô. Bác Giê-pét-tô rất thương yêu cậu bé. Bác mua sắm sách vở và đưa cậu đến trường.

Một ngày, Pi-nô-ki-ô bán hết sách học. Trong khi đang nghĩ cách để tiêu tiền thì cậu gặp một con mèo và một con cáo. Đây là hai tên lừa đảo chuyên nghiệp, chúng đã lấy hết số tiền của cậu.

Cô tiên Xanh biết chuyện đã hỏi cậu về số tiền bán sách. Nhưng cậu lại nói dối cô tiên Xanh. Thế là mũi cậu lập tức dài ra khiến cậu vô cùng sợ hãi.

Thấy vậy, cô tiên Xanh liền khuyên Pi-nô-ki-ô: "Chỉ khi nào em biết vâng lời cha và không nói dối thì mũi em mới trở lại bình thường.". Pi-nô-ki-ô đã có được một bài học hữu ích. Cậu liền nói thật mọi chuyện với cô tiên Xanh và mũi cậu trở lại bình thường. Cậu còn cố gắng sửa chữa khuyết điểm để trở thành người con ngoan.

(Theo 101 Truyện kể về động vật – Tủ sách vàng cho con)



1. Pi-nô-ki-ô đã làm gì với số sách mà cha cậu đã mua cho?

- a. Đem đến trường học
- b. Bán hết để lấy tiền tiêu
- c. Đưa cho cô tiên Xanh

2. Mèo và cáo đã làm gì với Pi-nô-ki-ô?

- a. Giữ hộ cậu số sách vở
- b. Làm cho mũi cậu dài ra
- c. Lấy hết số tiền bán sách của cậu

3. Chuyện gì xảy ra khi Pi-nô-ki-ô nói dối cô tiên Xanh?

- a. Lập tức mũi cậu dài ra
- b. Cô tiên Xanh giận dữ về kể cho cha cậu biết
- c. Cô tiên Xanh bỏ mặc cậu

4. Pi-nô-ki-ô đã làm gì khi nghe lời khuyên của cô tiên Xanh?

- a. Nói thật mọi chuyện với cô tiên Xanh
- b. Cố gắng sửa chữa khuyết điểm để trở thành người con ngoan
- c. Cả hai ý trên đều đúng

5. Có thể thay thế từ *hữu ích* trong câu "Pi-nô-ki-ô đã có được một bài học hữu ích." bằng từ nào dưới đây?

- a. bổ ích
- b. quý giá
- c. cả hai từ đều phù hợp

6. Theo em, bài học hữu ích mà Pi-nô-ki-ô nhận được là gì?

.....

.....

Tiết 2

1. Nối đồ dùng học tập ở cột A với từ ngữ chỉ đặc điểm ở cột B cho phù hợp.

A

bút chì

thước kẻ

cục tẩy

cặp sách

bảng tay

quyển vở

B

nhỏ xinh như viên kẹo

nhọn hoắt

thẳng tắp

trắng tinh

to bự nhưng rất nhẹ

hình chữ nhật, như trang vở màu xanh

2. Gạch dưới từ ngữ chỉ đặc điểm phù hợp để hoàn thành câu.

- a) Cây bút chì (*hình chữ nhật, thon dài*) như chiếc đũa.
- b) Cái bàn học bằng gỗ rất (*chắc chắn, trắng tinh*).
- c) Cục tẩy (*to bự, xinh xắn*) như một viên kẹo gồm màu hồng nhạt.
- d) Trên bảng con có những dòng kẻ (*thẳng tắp, cong queo*).
- e) Trang vở (*trắng tinh, trắng bệch*), thơm mùi giấy mới.

3. Điền dấu chấm hoặc dấu chấm hỏi vào ô trống.

Trăng ơi... từ đâu đến ☐

Hay từ cánh rừng xa

Trăng hồng như quả chín

Lửng lơ lên trước nhà ☐

Trăng ơi... từ đâu đến ☐

Hay từ một sân chơi

Trăng bay như quả bóng

Bạn nào đá lên trời ☐

(Theo Trần Đăng Khoa)

Tiết 3

1. Chọn / hoặc n điền vào chỗ trống.



Con trâu đen ... ông mướt

Cái sừng ... ó vênh vênh

.... ó cao ... ớn ... ênh khênh

Chân đi như đập đất.

Trâu ơi ăn cỏ mướt

Hay ... à ăn cỏ gà

Đừng ăn ... úa đồng ta

... úa của mẹ của cha

Phải cấy cày vất vả.

(Theo Trần Đăng Khoa)

2. Chọn tiếng trong ngoặc đơn điền vào chỗ trống.

- a) (nấn/nặng): nốt uốn như nung
b) (tần/tăng): nhà cao ngắn lớp

3. Điền **ăn, ăng, ân** hoặc **âng** vào chỗ trống.

Mang theo truyện cổ tôi đi
Nghe trong cuộc sống thầm thì tiếng xưa
Vàng cơn n....., tr..... cơn mưa
Con sông chảy có r..... dừa nghiêng soi
Đời cha ông với đời tôi
Như con sông với ch..... trời đã xa.

(Theo Lâm Thị Mỹ Dạ)

4. Viết 3 – 4 câu giới thiệu chiếc cặp sách của em.

G:

- Chiếc cặp sách của em có đặc điểm gì về hình dạng, màu sắc,...? (hình chữ nhật vuông vức, màu xanh (hồng, đỏ,...), có in hình chú ếch đáng yêu,...)
- Chiếc cặp sách đó giúp ích gì cho em trong học tập? (giúp em mang sách vở và đồ dùng học tập đến lớp; giữ gìn, bảo quản sách vở, đồ dùng,...)
- Em có tình cảm như thế nào đối với chiếc cặp sách của mình? (rất thích nó, yêu mến nó như người bạn thân, giữ gìn nó cẩn thận,...)

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Tiết 1**GÀ CON HIẾU KÌ**

Pi-ô là một chú gà con vô cùng hiếu kì. Kể từ lúc mới sinh ra đến giờ, chú chỉ biết tới cái chuồng gà và chưa bao giờ ra khỏi đó.

Một hôm, Pi-ô xin phép gà bố chạy ra sân chơi. Vừa mới bước ra khỏi chuồng gà, Pi-ô nhìn thấy một bác gà to lớn, nó vui vẻ nhảy nhót xung quanh bác gà. Nhìn kĩ bác gà, Pi-ô hỏi:

– Bác ơi! Bác thuộc họ gà nào vậy ạ? Bác không giống với bố cháu.

Bác gà liền đáp:

– Chào gà con! Bác thuộc họ gà tây. Cháu hãy nhìn kĩ bộ lông tuyệt đẹp của bác đi. Nếu cháu muốn có bộ lông đẹp như vậy thì cháu phải ăn uống điều độ và nghỉ ngơi hợp lí đấy.

Gà Pi-ô đáp:

– Vâng ạ!

Nó nghĩ, nó đã học được một bài học hay.

Quan sát xung quanh, nó nhìn thấy nhiều loài vật trông rất lạ. Nó nhủ thầm: "Những điều mình biết còn quá ít ỏi. Mình phải siêng năng học hỏi để hiểu biết thêm về thế giới xung quanh."

(Theo 101 Truyện ở nông trại – Tủ sách vàng cho con)

Từ ngữ

Hiếu kì: tò mò, muốn hiểu biết thêm những điều mới lạ.

**1. Pi-ô là chú gà con thế nào?**

a. Lười nhác

b. Hiếu kì

c. Hiếu thảo

2. Từ lúc mới sinh ra, Pi-ô thế nào?

- a. Luôn được ra sân chơi
- b. Biết rất nhiều điều về thế giới xung quanh
- c. Chỉ biết tới cái chuồng gà và chưa bao giờ ra khỏi đó

3. Khi bước ra khỏi chuồng gà, Pi-ô thấy những gì?

- a. Một đàn gà con giống mình
- b. Một bác gà to lớn, giống bố mình
- c. Nhiều loài vật trông rất lạ

4. Pi-ô nghĩ gì sau khi ra khỏi chuồng gà?

- a. Nó đã học được một bài học hay
- b. Những điều nó biết còn quá ít
- c. Nó phải siêng năng học hỏi để hiểu biết thêm về thế giới xung quanh
- d. Tất cả những ý trên

5. Nổi những phẩm chất đáng quý của gà con Pi-ô với biểu hiện của phẩm chất đó.

Phẩm chất

Hiếu kì

Ngoan ngoãn,
lễ phép

Khiêm tốn

Biểu hiện

Tự nhủ thầm: "Những điều mình biết còn quá ít ỏi. Mình phải siêng năng học hỏi."

Muốn ra khỏi chuồng để khám phá cuộc sống bên ngoài

Xin phép bố khi đi chơi; lễ phép khi nói chuyện với bác gà tây

Tiết 2

1. Xếp các từ ngữ sau vào nhóm thích hợp:

chuồng gà, chạy, sân, nhìn, to lớn, nhảy nhót, bộ lông,
tuyệt đẹp, hay, quan sát, nhiều, ít ỏi

Từ ngữ chỉ sự vật	Từ ngữ chỉ hoạt động	Từ ngữ chỉ đặc điểm
.....		
.....		

2. Điền dấu câu thích hợp vào ô trống.

Cô bò Ma-ri-a đang ung dung gặm cỏ, bỗng nghe thấy tiếng lách tách rất lạ ☐ Cô nhìn thấy một quả trứng đã nở ☐ Một chú gà con vàng óng chui ra và cất tiếng kêu: "Chiếp!... Chiếp!..." ☐ Cô bò nhìn gà con trêu mếu: "Nó mới bé nhỏ ☐ đáng yêu làm sao ☐ Nhưng mẹ của gà con đâu, sao nó chỉ có một mình thế này chứ ☐".

3. Nối câu ở cột A với kiểu câu tương ứng ở cột B.

A

B

Ma-ri-a là một cô bò cái tốt bụng.

Câu giới thiệu

Gà con chui ra khỏi vỏ trứng và cất tiếng kêu: "Chiếp!...Chiếp!..."

Câu nêu hoạt động

Gà con có bộ lông vàng óng.

Câu nêu đặc điểm

4. Ghép các từ ngữ sau thành 2 câu: một câu nêu hoạt động, một câu nêu đặc điểm.

đôi mắt

bé Na

đang tập viết

đen láy

mở to

a) Câu nêu hoạt động:

.....

.....

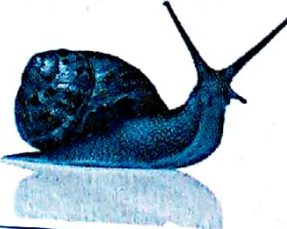
b) Câu nêu đặc điểm:

.....

.....

Tiết 3

1. Viết tên đồ vật, con vật hoặc cây cối dưới mỗi tranh.

			
.....			
			
.....			

2. Điền vào chỗ trống:

a) ng hoặc ngh:

..... ả iêng

..... ằm ỉ

b) r, d hoặc gi:

... ữ ... ội

... ảng ... ải

.... ộn àng

3. Viết 3 – 4 câu tả một đồ chơi hoặc một đồ dùng gia đình.

.....

.....

.....

.....

NIỀM VUI TUỔI THƠ

Tuần 10

Tiết 1



ĐẦU TO BẰNG CÁI BỒ

Mới bảy, tám tuổi, Quỳnh đã tỏ ra thông minh nhưng cũng là một đứa trẻ nghịch ngợm.

Một đêm mùa thu, trăng thág Tám sáng vằng vặc, đang chơi với đám trẻ ở sân nhà, Quỳnh bảo:

– Chúng bay làm kiệu cho tao ngồi, rồi tao đưa đi xem một người mà cái đầu to bằng cái bồ!

Lũ trẻ tưởng thật, liền tranh nhau làm kiệu rước Quỳnh đi vòng quanh sân, mệt thở muốn đứt hơi. Xong, chúng nhất quyết bắt Quỳnh phải giữ lời hứa. Lúc ấy, trăng đã mờ, Quỳnh bảo:

– Tụi bây đứng đợi ở đây, tao đi đốt lửa soi cho mà xem.

Quỳnh lấy lửa thắp đèn lên, rồi thò đầu ra che ngọn đèn, bảo:

– Kìa, trông trên vách kia. Ông đầu to đã ra đấy!

Đứa nào cũng nhìn nhớn nhớn nhớn nhác, thấy bóng đầu Quỳnh ở vách to bằng cái bồ thật. Lũ trẻ biết Quỳnh chơi xỏ, quay ra bắt Quỳnh làm kiệu đèn, Quỳnh chạy vào buồng đóng cửa lại, kêu ầm lên. Ông bố tưởng Quỳnh bị đánh, liền cầm roi chạy ra, lũ trẻ chạy tán loạn...

(Theo *Truyện cổ tích hay về sự dí dỏm, hài hước*)

Từ ngữ

Nguyễn Quỳnh: một danh sĩ thời Lê – Trịnh, qua các giai thoại, ông nổi tiếng về sự thông minh, hóm hỉnh nên mặc dù không đỗ trạng nguyên nhưng dân gian vẫn gọi ông là Trạng Quỳnh.



1. Quỳnh là một cậu bé như thế nào?

- a. Thông minh b. Tinh nghịch c. Cả hai ý trên

2. Quỳnh hứa với bọn trẻ điều gì để chúng làm kiểu rước Quỳnh?

- a. Cho bọn trẻ ăn đi ngắm trăng
b. Đưa bọn trẻ đi xem một người mà cái đầu to bằng cái sọt
c. Đưa bọn trẻ đi xem một người mà cái đầu to bằng cái bồ

3. Quỳnh đã tạo ra người có cái đầu to bằng cái bồ như thế nào?

- a. Quỳnh thắp đèn soi vào cái bồ.
b. Quỳnh úp cái bồ lên đầu.
c. Quỳnh thắp đèn lên rồi thò đầu ra che ngọn đèn.

4. Khi các bạn bắt làm kiểu đến, Quỳnh làm thế nào?

- a. Chạy vào buồng đóng cửa lại, kêu ầm lên
b. Cầm roi chạy ra
c. Đồng ý làm kiểu đến cho các bạn

5. Viết 1 – 2 câu về nhân vật Quỳnh.

.....
.....
.....

Tiết 2

1. Gạch dưới những từ chỉ tình cảm bạn bè.

- | | | | |
|-----------|---------|----------|-------------|
| yêu mến | thân ái | lễ phép | nhường nhịn |
| quý mến | tôn thờ | chia sẻ | tôn kính |
| hiếu thảo | yêu quý | uâng lời | thân thiện |

2. Đặt câu thể hiện tình cảm của em với bạn có sử dụng từ yêu quý.

.....
.....
.....

3. Chọn từ trong ngoặc đơn, điền vào chỗ trống.

- a) Em và Minh là bạn (yêu quý, thân thiết) của nhau.
- b) Chúng em thường (giúp đỡ, tặng) cho nhau đồ ăn hay những món đồ nhỏ nhỏ.
- c) Gặp bài khó, hai đứa thường (nhường nhịn, thảo luận) với nhau để tìm lời giải.

4. Điền dấu chấm, dấu chấm hỏi hoặc dấu chấm than vào cuối mỗi câu. Nối câu với công dụng của nó.

Vì sao Quỳnh phải trốn vào trong buồng đóng cửa lại?

Kể lại sự việc

Quỳnh thông minh quá!

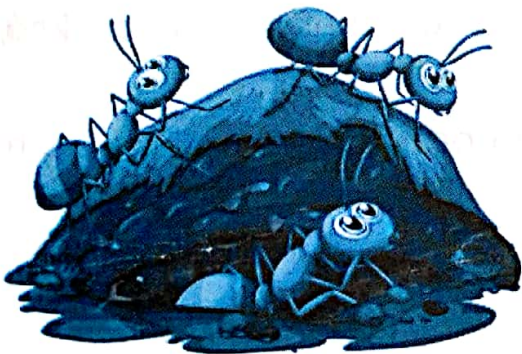
Hỏi về điều chưa biết

Lũ trẻ tranh nhau làm kiệu rước Quỳnh đi vòng quanh sân.

Bộc lộ cảm xúc

Tiết 3

1. Điền vào chỗ trống c hoặc k.



.....ao đầu lớnổ,
Thiệt làiến hùm.
.....ấn chúng la um:
.....iếnim,iến nhọt.
Nhỏ nhưon mọt,
Thiệt làiến hôi.
Động trời nó sôi
.....iếnánh,iến lửa.

(Đồng dao)

2. Viết tên các sự vật có tiếng chứa:

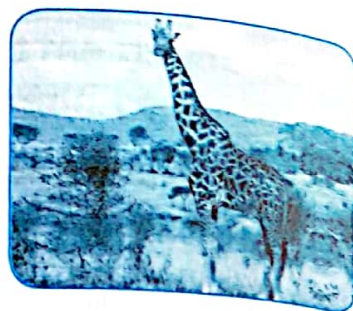
a) iêu hoặc ươu



.....



.....

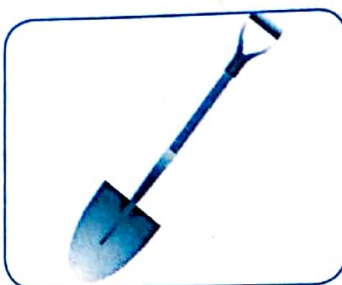


.....

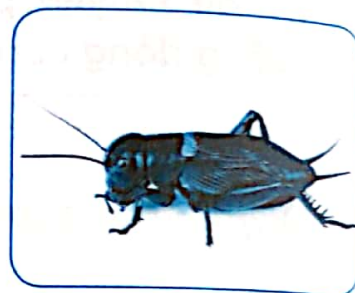
b) en hoặc eng



.....



.....



.....

3. Viết 3 – 4 câu kể về hoạt động em tham gia cùng các bạn ở lớp.

G:

– Em và các bạn trong lớp đã tham gia hoạt động gì? (cùng nhau ôn bài, đọc báo Đội, chơi cờ vua, chơi lê-gô, kể chuyện cho nhau nghe,...)

– Hoạt động đó diễn ra lúc nào và ở đâu? (trong lớp, dưới sân trường,...; trước giờ học, trong giờ chơi, trên đường tới trường,...)

– Em và các bạn đã làm những việc gì? (giải những bài tập khó, đọc sách, lắp ghép lê-gô,...)

– Em cảm thấy thế nào khi tham gia hoạt động đó? (rất bổ ích, rất vui,...)

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Tiết 1



NHỚ ƠN

Mỗi lần bưng chén cơm
Nhớ ơn người trồng lúa
Ngắm bông hoa rộ rỡ
Nhớ lòng mẹ đất nâu

Ta đi xa về gần
Quên sao con ngõ nhỏ
Quàng tấm khăn thấm đỏ
Nhớ sắc cờ hồng tươi

Mỗi lần ta qua cầu
Nhớ con đò lằm lũi
Khi nâng trang sách mới
Thương cây viết nhà văn

Mỗi khi được điểm mười
Nhớ ơn cây đèn sáng
Ơn bảng đen phấn trắng
Ơn thầy bạn, mẹ cha,...

(Nguyễn Ngọc Ký)

Từ ngữ

- *Chén* (phương ngữ Nam): bát, tô.
- *Lằm lũi*: lặng lẽ với vẻ âm thầm chịu đựng.



1. Nối việc làm ở cột A phù hợp với đối tượng cần nhớ ơn ở cột B.

A

Ăn cơm
Đi xa về gần
Qua cầu
Ngắm hoa rộ rỡ
Được điểm mười
Đọc trang sách mới

B

Lòng mẹ đất nâu
Người trồng lúa
Cây viết nhà văn
Con đò lằm lũi
Con ngõ nhỏ
Thầy cô, cha mẹ

2. Em hiểu như thế nào về câu thơ dưới đây?

Quàng tấm khăn thấm đỏ

Nhớ sắc cờ hồng tươi.

- a. Cần nhớ màu cờ Tổ quốc là màu hồng
- b. Cần nhớ ơn những người làm ra chiếc khăn quàng đỏ từ những lá cờ màu hồng
- c. Cần nhớ ơn những người đã hi sinh vì màu cờ Tổ quốc để em được đến trường

Tiết 2

1. Điền Đ (đúng) hoặc S (sai) vào ô trống.

a) Rực rỡ, nâu, lấm lũi, mới, nhỏ là các từ chỉ đặc điểm. ☐

b) Bưng, trồng, nâng, đi, quàng là các từ chỉ hoạt động. ☐

c) Sách, lúa, hoa, bảng, phấn là các từ chỉ hoạt động. ☐

2. Xếp các từ ngữ dưới đây thành hai nhóm, đặt tên cho mỗi nhóm.

bưng, trồng, rực rỡ, nâu, qua, lấm lũi, mới, đi,
nhỏ, hồng tươi, sáng, quàng

Nhóm 1:	Nhóm 2:
.....	
.....	
.....	
.....	

3. Nối từ ở cột A với nghĩa của từ ở cột B.

A

nhường nhịn

chia sẻ

khiêm tốn

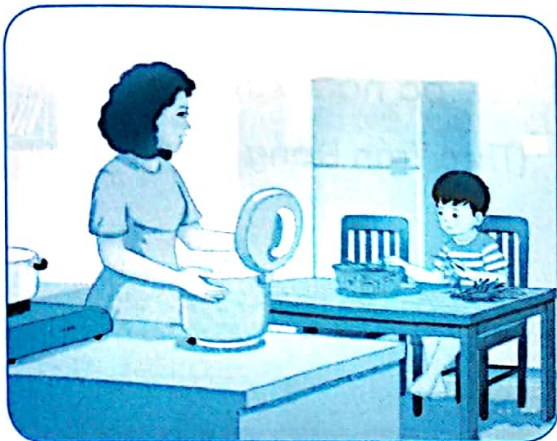
B

không khoe khoang, không coi mình hơn người khác

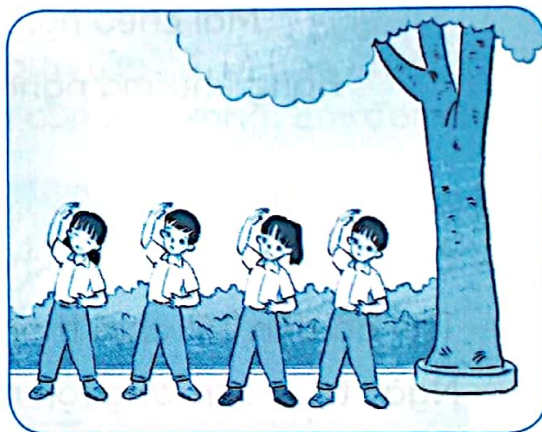
chịu thiệt thòi, dành cái thuộc về mình cho người khác

san sẻ, cho đi

4. Đặt câu nói về hoạt động của các bạn nhỏ trong mỗi bức tranh.



.....
.....



.....
.....



.....
.....



.....
.....

Tiết 3

1. Điền vào chỗ trống:

a) g hoặc gh

- an vàng dạ sắt
- Non sông ấm vóc.
- ăn mực thì đen, ăn đèn thì sáng.

b) iên hoặc iêng

- Ở h..... gặp lành

- Em nghe thầy đọc bao ngày

T..... thơ đỏ nắng, xanh cây quanh nhà

Mái chèo ng..... mặt sông xa

Bâng khuâng nghe vọng t..... bà năm xưa.

(Theo Trần Đăng Khoa)

c) iu hoặc ưu

- Ch..... thương chịu khó
- Thu đã đến hết chơi thông thả
- Ngày t..... trường rộn rã bước chân.

(Theo Ngọc Chi)

2. Viết 3 – 4 câu kể về hoạt động của các bạn ở trường em trong giờ ra chơi.

G:

- Giờ ra chơi ở trường em thường có những hoạt động gì? (nhảy dây, đá cầu, đá bóng, đá cầu, trốn tìm, ô ăn quan, chơi chuyền,...)
- Hoạt động đó diễn ra ở đâu? (trên sân trường, dưới bóng mát của cây bàng, ở hành lang, trong lớp học,...)
- Em và các bạn tham gia như thế nào? (vui vẻ, hào hứng, sôi nổi,...)
- Em có suy nghĩ gì về hoạt động đó? (bổ ích, giúp em rèn luyện sự nhanh nhạy; giúp cho tình bạn thêm gắn bó,...)

.....

.....

.....

.....

Tiết 1



THÊM SỪNG CHO NGỰA

Bin rất thích vẽ. Trên nền nhà, ngoài sân gạch, chỗ nào cũng có những bức vẽ của em, bức thì vẽ bằng phấn, bức lại vẽ bằng than. Thấy thế, mẹ mua cho em một quyển vở vẽ, một hộp bút chì màu và bảo:

– Con vẽ con ngựa của nhà mình cho mẹ xem!

Bin đem vở và bút ra tận chuồng ngựa tập vẽ. Hí hoáy một lúc lâu, vẽ rồi xóa, xóa rồi lại vẽ. Cuối cùng, Bin cũng vẽ xong. Em đem bức vẽ vào khoe với mẹ.

Mẹ ngạc nhiên:

– Con vẽ con gì đây?

Bin giải thích:

– Con ngựa đấy, mẹ ạ!

Mẹ bảo:

– Sao mẹ chẳng thấy giống con ngựa nhỉ?

Bin ngắm bức vẽ một hồi, rồi nói:

– Đúng, không phải con ngựa. Thôi để con vẽ thêm hai cái sừng cho nó thành con bò vậy.

(Theo *Tiếng Việt 2 tập một*, NXB Giáo dục, 2006)

Từ ngữ

Hí hoáy: (làm) luôn tay, rất chăm chú.



1. Bin định vẽ con gì?

a. Con ngựa

b. Con bò

c. Con ngựa và con bò

2. Câu hỏi của mẹ: "Con vẽ con gì đây?", ý nói Bin vẽ con ngựa thế nào?

a. Rất đẹp

b. Rất giống

c. Không giống con ngựa

3. Nhận thấy bức vẽ của mình đúng là không giống con ngựa, Bin làm gì?

a. Giải thích lại cho mẹ nghe đấy chính là con ngựa

b. Xoá đi rồi vẽ lại bức tranh khác

c. Vẽ thêm hai cái sừng cho nó thành con bò

4. Mỗi chi tiết dưới đây cho thấy Bin có phẩm chất gì? (nối cho đúng)

Trên nền nhà, ngoài sân gạch, chỗ nào cũng có những bức vẽ của em, bức thì vẽ bằng phấn, bức lại vẽ bằng than.

sáng tạo

Hí hoáy một lúc lâu, vẽ rồi xoá, xoá rồi lại vẽ.

say mê

Thôi để con vẽ thêm hai cái sừng cho nó thành con bò vậy.

kiên trì

5. Em hãy đặt một tên khác cho câu chuyện.

Tiết 2

1. Gạch dưới các từ ngữ chỉ sự vật trong câu dưới đây.

Bin đem vở và bút ra tận chuồng ngựa tập vẽ.

2. Kể tên 5 món đồ chơi.

3. Đặt 2 câu nêu đặc điểm của 2 món đồ chơi kể trên.

.....
.....
.....
.....

4. Sắp xếp các từ ngữ sau thành câu và viết lại câu.

a) có cánh quạt, chiếc máy bay đồ chơi, quay tít trên lưng

.....
.....

b) bông xù và mềm mại, chú cún bông, có bộ lông

.....
.....

c) búp bê, to tròn và đen láy, có đôi mắt

.....
.....

Tiết 3

1. Điền vào chỗ trống:

a) ch hoặc tr

–ongóng

– cáiống cơm

– côngiêng

–ồng nụồng hoa

– chơiuyên

– cáiuông gió

– Rằmung thu chịăng về

Chị mây ơi, chị đừnge bầuời

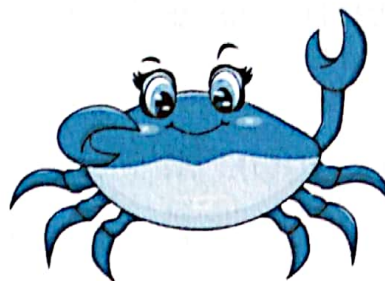
Chịăng mà chẳng tới nơi

Ai soi sáng cho emơi em đùa.

(Theo Tự Vịnh)

b) ng hoặc ngh

Con cua tám càng
.....ênhang hai càng
Đeo chiếc yếm trắng
Dạo chơi đồng làng.



2. Tìm và viết lại:

a) 2 từ ngữ có vần *uôn*:

b) 2 từ ngữ có vần *ông*:

3. Viết 3 – 4 câu giới thiệu một đồ chơi mà trẻ em yêu thích.

G:

- Đồ chơi em muốn giới thiệu là gì? (bộ xếp hình, búp bê,...)
- Em có đồ chơi đó từ bao giờ? (được tặng nhân dịp sinh nhật, được bố mua khi đi công tác xa về, nhân dịp cả nhà đi du lịch,...)
- Đồ chơi đó có đặc điểm gì nổi bật? (bộ xếp hình gồm nhiều miếng nhựa có kích thước to nhỏ và màu sắc khác nhau, búp bê có gương mặt bầu bĩnh rất dễ thương,...)
- Em chơi đồ chơi đó như thế nào? (vào ngày nghỉ, rủ các bạn đến chơi cùng, say sưa lắp thành những mô hình khác nhau, trò chuyện với búp bê như với một em bé, tết tóc cho búp bê,...)
- Đồ chơi đó có ý nghĩa với em như thế nào? (rất có ích cho em rèn luyện trí tưởng tượng, giúp có những giờ vui chơi thoải mái sau những giờ học căng thẳng, búp bê là bạn thân nhất của em,...)

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Tiết 1



NGỰA NÂU VÀ SÓC

Chú ngựa nâu đang băng rừng đến nhà anh bạn sóc đỏ để giúp bạn sơn lại nhà. Khi chú ngựa chạy đến, chú sóc đỏ đã treo thùng sơn lên cành cây và bắt đầu sơn nhà. Bỗng sóc nghe thấy tiếng gì rơi cùng tiếng bước chân ngựa, sóc quay xuống gọi to: "Cậu đấy à, ngựa nâu?". Nhưng khi nhìn kĩ lại, sóc đỏ nói:

– Xin lỗi anh ngựa vằn, anh có nhìn thấy bạn ngựa nâu của em không ạ?

– Tớ đây mà sóc đỏ ơi! Sơn của cậu đã biến tớ thành ngựa vằn đó!

Ngựa nâu vừa nói vừa rũ bỏ lớp sơn trên người. Cả hai bạn được một trận cười vỡ bụng.

(Theo 101 Truyện kể về động vật – Tủ sách vàng cho con)

Từ ngữ

Băng: di chuyển (đi, chạy) nhanh.



1. Ngựa nâu băng rừng đến nhà sóc để làm gì?

- a. Dự tiệc sinh nhật sóc
- b. Làm nhà cho sóc
- c. Giúp sóc sơn lại nhà

2. Khi ngựa đến, sóc đang làm gì?

- a. Treo thùng sơn lên cành cây và đợi ngựa nâu đến
- b. Treo thùng sơn lên cành cây và bắt đầu sơn nhà
- c. Treo thùng sơn lên cành cây rồi đi chơi với ngựa vằn

3. Chuyện gì xảy ra đối với ngựa nâu khi vừa tới nhà sóc?

- a. Sơn rớt trên lưng ngựa nâu, khiến ngựa nâu trông giống như ngựa vằn.
- b. Ngựa nâu gặp ngựa vằn.
- c. Sóc đổ dùng sơn, sơn lên người của ngựa nâu.

4. Bị sơn rớt lên người, ngựa nâu có thái độ thế nào?

- a. Tức giận
- b. Lo lắng
- c. Cười vui vẻ với sóc

5. Nhận xét về tình bạn giữa sóc đỏ và ngựa nâu.

.....

.....

Tiết 2

1. Nối các từ ngữ ở cột A với các từ ngữ ở cột B cho phù hợp.

A

chú gấu bông

cái chong chóng

búp bê

bộ que chuyền

chiếc ô tô địa hình

B

xinh xắn, có mái tóc vàng óng

có bộ lông màu nâu rất mượt mà

màu đen, chạy nhanh như gió

có bốn cánh màu sắc sỡ: trắng, xanh, đỏ, vàng

có mười que nhựa dài đều nhau như chiếc đũa

2. Chọn từ trong ngoặc đơn, điền vào chỗ trống.

- a) Bộ lông chú gấu bông thật (sần sùi, mềm mại), dễ chịu.
- b) Hai má búp bê (hồng hào, nhợt nhạt), thật dễ thương.
- c) Rồng rắn lên mây, kéo cưa lừa xẻ, nu na nu nống, múa sạp,... là các trò chơi..... (dân gian, hiện đại).

3. Thêm dấu phẩy vào vị trí phù hợp trong đoạn văn sau:

Ngày nghỉ cuối tuần, bố mẹ thường cho em đi chơi ở trung tâm thương mại. Khu vực giải trí ở đó có rất nhiều trò chơi thú vị: câu cá đập xích lô đu quay cầu trượt tô tượng,... Em thích nhất trò tô tượng vì em được thỏa thích sáng tạo với các màu sắc xanh đỏ tím vàng....

4. Viết 1 – 2 câu giới thiệu về một trò chơi dân gian mà em biết.

.....

.....

.....

Tiết 3

1. Điền vào chỗ trống:

a) d hoặc gi

- Bịt mắt bắtê
-ăng lưới bắt cá
- Câyừa xanh toả nhiều tàu
.....ang tay đónó, gặt đầu gọi trắng
Thânừa bạc phếch thàng năm
Quảừa – đàn lợn con nằm trên cao.

(Theo Trần Đăng Khoa)

b) s hoặc x

- Nhàạch thì mát.
- Cây láanh tươi.

- Chú nắng ớm mùa đông
 Nằm trong chăn mây ắm
 Ngày lên trời đã áng
 Chú còn ngủ lơ mơ.

(Theo Võ Quảng)

c) ươn hoặc ương:

- V..... cây ao cá
- Đ..... làng quanh co.
- Mồ hôi mà đổ xuống đồng,
 Lúa mọc trùng trùng sáng cả đôi n.....
 Mồ hôi mà đổ xuống v.....,
 Dâu xanh, lá tốt vắn v..... tơ tằm.

(Theo Thanh Tịnh)

2. Viết 3 – 4 câu tả con gấu bông.

G:

- Nó có bộ lông thế nào? (mượt mà, mềm mịn, màu nâu tây; màu trắng muốt; màu vàng mơ)
- Đôi mắt nó thế nào? (to tròn, đen như hai hạt nhãn, luôn mở to như muốn nhìn mọi vật xung quanh)
- Mỗi ngày, em thường chơi với nó vào lúc nào? (đi học về, học xong bài, trước khi đi ngủ,...)
- Tình cảm của em đối với con gấu bông như thế nào? (yêu quý, coi nó như người bạn thân,...)

.....

.....

.....

.....

.....

.....

MÁI ẤM GIA ĐÌNH

Tuần 14

Tiết 1



HAI VIÊN NGỌC QUÝ

Một buổi sáng, bé Mai nói với mẹ:

– Ước gì con có một viên ngọc mẹ nhỉ? Có lần bà bảo trong đó có bà tiên, có lâu đài, có cả thành phố nữa.

Mẹ cười nói:

– Con có những hai viên ngọc cơ mà.

– Đâu hả mẹ?

– Con có nhìn thấy gì ngoài sông kia không?

Bé Mai nheo mắt nhìn rồi trả lời:

– Con thấy dòng nước xanh và những cánh bướm.

Mẹ gật đầu đáp:

– Mẹ cũng thấy hai viên ngọc của con có những cánh bướm nhỏ xinh, có dòng sông xanh biếc và cả những tia nắng rực rỡ.

Hai mẹ con cứ thế trò chuyện. Mỗi lần mẹ hỏi, Mai trả lời và mẹ cũng đều nhìn thấy những thứ đó trong đôi mắt trong sáng của bé Mai. Khi nhắm mắt lại, Mai chẳng thấy gì.

Mẹ nói với Mai:

– Đôi mắt chính là hai viên ngọc kì diệu đấy con ạ. Lúc nào con cũng phải giữ gìn nó thật trong sáng.

(Theo 70 Truyện cổ tích hay dành cho tuổi thơ)



1. Mai ao ước điều gì?

- a. Được thấy bà tiên
- b. Được sống trong lâu đài
- c. Có một viên ngọc

2. Theo lời mẹ, hai viên ngọc quý mà Mai có là gì?

- a. Đôi tay
- b. Đôi mắt
- c. Đôi chân

3. Mẹ khuyên Mai điều gì?

- a. Giữ gìn những viên ngọc thật trong sáng
- b. Giữ gìn dòng sông thật trong xanh
- c. Giữ gìn đôi mắt thật trong sáng

4. Theo em, vì sao người mẹ nói "đôi mắt chính là hai viên ngọc kì diệu"?

.....

5. Theo em, chúng ta có thể làm gì để gìn giữ đôi mắt?

.....

Tiết 2

1. Nối các từ ngữ ở cột A với ý ở cột B cho phù hợp.

A

Cô

Chú

Dì

Cậu

B

Em gái của mẹ

Em gái của bố

Em trai của bố

Em trai của mẹ

2. Chọn từ trong ngoặc đơn điền vào chỗ trống.

họ nội, họ ngoại

a. Cậu, mợ, chú, dì là những người thuộc

b. Cô, chú, thím là những người thuộc

3. Chọn từ ngữ trong ngoặc đơn điền vào chỗ trống.

yêu thương, bầu bĩnh, trắng mịn màng, đen láy

Bé Bông có gương mặt Nước da bé

Đôi mắt của bé Cả nhà em ai cũng bé.

4. Tìm và viết lại:

a) Các từ ngữ dùng để tả gương mặt:

M: bầu bĩnh,

b) Các từ ngữ dùng để tả nước da:

M: trắng hồng,

c) Các từ ngữ dùng để tả đôi mắt:

M: long lanh,

d) Các từ ngữ dùng để tả mái tóc:

M: đen nhánh,

5. Đặt một câu tả đặc điểm của mỗi người trong hình.



.....
.....



.....
.....

Tiết 3

1. Chọn *iên, yên* hoặc *uyên* điền vào chỗ trống.

Cả lớp lặng nghe cô giảng bài. Nắng x..... qua khe cửa sổ. Bên ngoài, trên cành phượng vĩ, con chim vành kh..... cứ lách rích tìm bắt sâu.

2. Các từ in đậm bị viết sai chính tả. Hãy viết lại các từ đó cho đúng.

Câu có từ viết sai	Viết lại từ cho đúng
a) Em dữ dìn quần áo sạch sẽ.	
b) Cô giáo đang dảng bài.	
c) Bé giắt bà cụ qua đường.	
d) Bàn tai bé xinh xinh.	
e) Vay mẹ gậy nấp nhô làm gối.	

3. Viết 3 – 4 câu kể về một việc mẹ vẫn làm cho em hằng ngày.

G:

– Hằng ngày, mẹ vẫn làm cho em việc gì? (nấu ăn sáng, giặt quần áo, dạy học bài,...)

– Mẹ làm việc đó vào lúc nào? Mẹ làm như thế nào?

– Em cảm nhận điều gì khi mẹ đã làm cho em những việc đó?

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Tiết 1



THEO BÀI HÁT CỦA CHA

Trước lúc đi di cư, cá voi xanh nhỏ hỏi cha:

- Làm sao con biết đường đi ạ?
- Con sẽ đi theo bài hát của cha.
- Khi lớn lên, con có được nghe bài hát của cha nữa không?
- Có chứ, con yêu! Nếu con lắng nghe thật kĩ, con sẽ luôn nghe thấy bài hát của cha con mình.

Bỗng cá voi xanh nhỏ nghe một âm thanh từ xa vẳng lại. Nó nói:

- Cha ơi, con nghe thấy tiếng những chú cá voi khác.
- Đúng rồi, con yêu! Đã đến lúc chúng ta bắt đầu hành trình.

Dứt lời, cá voi cha cất tiếng hát và lướt đi bằng một cái quét đuôi.

Cá voi xanh nhỏ bơi theo bài hát của cha. Nó nhô lên, lặn xuống sâu hơn, sâu hơn nữa...

- Cha ơi, cha ở đâu? - Cá voi xanh nhỏ kêu lên. Tiếng kêu của nó bị đại dương nuốt chửng.

Nó nhớ lại lời cha và chăm chú lắng nghe... Bơi theo bài hát của cha, nó đã nổi lên từ vùng nước sâu thẳm. Cả đàn cá voi gặp nhau, cất tiếng hát vang bài hát của cha. Bài hát ấy vang vọng khắp đại dương.

(Theo Dan-na Ma-ri-nô, Cắt dịch)



1. Trước lúc đi di cư, cá voi xanh nhỏ lo lắng điều gì?

- a. Làm sao để biết đường đi
- b. Làm sao để nghe được bài hát của cha
- c. Làm sao để nghe được bài hát của những chú cá voi khác

2. Chuyện gì đã xảy ra với cá voi con trên hành trình của mình?

- a. Chú bị đại dương nuốt chửng.
- b. Chú bị lạc đàn.
- c. Chú không nghe được bài hát của cha.

3. Nhờ đâu cá voi xanh nhỏ bơi qua được vùng nước sâu thẳm?

.....

.....

4. Câu nào trong bài cho biết cá voi cha luôn ở bên cạnh con, dẫu khi con đã khôn lớn?

.....

.....

5. Em dùng từ gì để nhận xét về tình cảm của cá voi cha với con?

.....

.....

Tiết 2

1. Xếp những từ dưới đây vào nhóm phù hợp.

anh, chị, bố, mẹ, ông, bà, yêu thương, gắn bó, chăm sóc,
kính trọng, quan tâm, chia sẻ

Từ chỉ người trong gia đình	Từ ngữ chỉ tình cảm gia đình
.....	
.....	
.....	
.....	
.....	

2. Đặt 2 câu với từ ngữ ở bài tập 1.

3. Tìm trong bài đọc *Theo bài hát của cha* và viết lại:

a) Một câu kết thúc bằng dấu chấm:

b) Một câu kết thúc bằng dấu chấm hỏi:

c) Một câu kết thúc bằng dấu chấm than:

Tiết 3

1. Điền vào chỗ trống:

a) / hoặc n

Nắng vào quả cam nắng ngọt
Trong suốt mùa đông vườn em
Nắng ặt vào trong mùi thơm
Của trăm ngàn bông hoa cúc

Mà nắng cũng hay làm ững
Ở trong òng mẹ rất nhiều
Mỗi ần ôm mẹ, mẹ yêu
Em thấy ấm ới là ấm!

(Theo Xuân Quỳnh)

b) ao hoặc au

Lá thấp cành c..... gió thổi nh.....

Góc vườn rụng vội chiếc mo c.....

Trái na mở mắt nhìn ngơ ngác

Đàn kiến trường chinh tự thuở nào.

(Theo Nguyễn Bính)

2. Viết 3 – 4 câu kể về tình cảm của em với người thân.



G:

- Em muốn kể về ai trong gia đình?
- Người đó thường làm gì cho em? (dạy em học bài, chăm sóc em khi bị ốm,...)
- Em thường nghĩ đến người đó khi nào? (khi em buồn, khi em vui,...)
- Em có cảm xúc thế nào về người đó?

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Tiết 1

VƯỜN KHẾ

Nhà bà có vườn khế ngọt
Cây xoè thành chiếc ô xanh
Hoa khế li ti tím biếc
Ríu ran từ gốc lên cành.

[...]

Trái khế lớn nhanh như thổi
Nhờ nắng, nhờ gió, nhờ sương
Nhờ công bà chăm ông tưới
Và em đêm ước ngày mong.

Khế chín vàng ươm như mật
Trông hoài một bóng phượng hoàng
Chim ơi mau về ăn khế
Để bà may túi ba gang.

Phượng hoàng vẫn trong cổ tích
Bà không gọi phượng bay xa
Trái ngon dành cho các cháu
Những con chim phượng của bà.

(Sưu tầm)

1. Những bộ phận nào của cây khế được nhắc đến trong bài đọc?

2. Tìm từ ngữ trong bài nói về sự thay đổi của những quả khế sao cho phù hợp với tranh.



3. Nhờ đâu mà những quả khế thay đổi như vậy?

.....

.....

4. Câu thơ "Trái ngon dành cho các cháu/ Những con chim phượng của bà" thể hiện điều gì?

.....

.....

Tiết 2

1. Gạch chân những từ ngữ chỉ hoạt động.

hái, trông, vườn cây, quả, ăn, bà, chăm sóc, tưới, dành, hoa, cây

2. Tìm những từ ngữ có thể kết hợp được với từ "học".

M: học tập

.....

.....

3. Quan sát tranh, tìm từ ngữ thuộc các nhóm dưới đây.



a) Từ ngữ chỉ sự vật:

.....

.....

b) Từ ngữ chỉ hoạt động:

4. Sắp xếp các từ ngữ thành câu.

a) cùng, em, đi chợ, bà

b) dọn dẹp, mẹ, em, mâm bát, giúp

c) chăm sóc, cây cảnh, Nam, ông, cùng

5. Đặt 2 câu có từ ngữ chỉ hoạt động.

Tiết 3

1. Điền vào chỗ trống:

a) tr hoặc ch

Cứ đến Chủ nhật, bà nội lại từ quê lênơi với chúng tôi. Bà mang bao nhiêu là quà và ríu rít chuyệnò.ong cái túi vải của bà có đủ mùa nào thức nấy: nhãn tháng Sáu, na tháng Bảy,... Thích nhất là những bữa ăn có bàn tay bà lo liệu. Bữaưa, nhìn mâm cơm với bát canh nóng hôi hổi, bố cười:

- Thấyưa, không có bà thì bao giờ nhà mình mới được ăn canh cua rau rút?

(Theo Ma Văn Kháng)

b) ac hoặc at

đôi c.....

x..... gạo

th..... nước

r..... thái

canh g.....

kh..... nước

ph..... quà

chất ph.....

2. Quan sát tranh, viết tên hoạt động bạn nhỏ làm cùng người thân.



.....
.....



.....
.....



.....
.....



.....
.....

3. Viết 3 – 5 câu kể về việc em cùng người thân đi hiệu sách.

G:

- Em cùng người thân đi hiệu sách khi nào?
- Em và người thân làm những việc gì khi đến hiệu sách?
- Em cảm thấy thế nào khi đi hiệu sách cùng người thân?

.....
.....
.....
.....
.....

Tiết 1



SỰ TÍCH CÂY VÚ SỮA

Ngày xưa, có một cậu bé được mẹ cưng chiều nên rất ham chơi. Một lần, bị mẹ mắng, cậu vùng vằng bỏ đi. Ngày ngày, người mẹ ở nhà ngồi trên bậc cửa ngóng con về. Vì quá đau buồn, mẹ cậu gục xuống.

Cậu bé rong chơi khắp nơi. Một hôm, vừa đói vừa rét, cậu mới nhớ đến mẹ. Cậu liền tìm đường về nhà. Ngôi nhà vẫn như xưa, nhưng không có mẹ. Cậu bé ôm một cây xanh trong vườn mà khóc. Cây bỗng run rẩy. Từ các cành lá, những đài hoa bé tí trổ ra, nở trắng như mây. Hoa tàn, quả xuất hiện, da căng mịn, xanh óng ánh. Cây nghiêng cành, một quả to rơi vào tay cậu bé. Cậu khẽ bóp quả, lớp vỏ mềm dần rồi nứt ra một kẽ nhỏ. Một dòng sữa trắng sóng sánh trào ra, ngọt thơm như sữa mẹ. Cậu nhìn lên tán lá. Lá một mặt xanh bóng, mặt kia đỏ hoe như mắt mẹ khóc chờ con. Cậu oà lên khóc. Mẹ đã không còn nữa. Cây xoà cành ôm cậu, rung rinh cành lá như tay mẹ âu yếm vỗ về.

Người đời sau đặt tên cho cây ấy là cây vú sữa.

(Theo Kho tàng truyện cổ tích Việt Nam)



1. Chuyện gì xảy ra với người mẹ khi cậu bé bỏ đi?

.....

2. Vì sao cậu bé trở về nhà?

.....

3. Chép tiếp các câu nói về điều kì lạ khi cậu bé ôm cây xanh khóc.

a) Cây bỗng

b) Cây nghiêng cành,

.....

c) Cây xoà cành

.....

4. Câu chuyện nói với em điều gì?

.....

.....

5. Viết tiếp phần kết cho câu chuyện.

.....

.....

.....

Tiết 2

1. Tìm trong văn bản *Sự tích cây vú sữa* từ ngữ miêu tả quả vú sữa.

.....

.....

2. Những từ nào dưới đây nói về người mẹ?

tần tảo, chăm sóc, che chở, bảo vệ, nuôi dạy, hồn nhiên, láu lỉnh

.....

3. Đặt 2 câu có sử dụng từ ngữ tìm được ở bài tập 2.

.....

.....

.....

.....

4. Điền dấu *phẩy* vào vị trí thích hợp trong đoạn văn sau:

Hôm nay, cả nhà đều vui. Nhưng vui nhất là Dương vì hôm nay là sinh nhật lần thứ 7 của cậu. Mới chập tối mẹ đã bày ra bàn bao nhiêu là thứ: bánh ga-tô cắm những ngọn nến lung linh một đĩa to bày hoa quả đủ các loại một lọ hoa hồng toả mùi thơm thoang thoảng. Chị Châu Anh giúp mẹ bày biện những chiếc li uống nước xếp lại đĩa bánh kẹo cho thật đẹp mắt.

Tiết 3

1. Tìm từ ngữ chỉ đặc điểm, hoạt động có tiếng chứa *iu* hoặc *ưu*.

.....
.....

2. Điền vào chỗ trống *ăt, ăc, ât* hoặc *âc*.

th..... mắc

th..... chặt

gi..... giữ

gi..... ngủ

b..... lửa

b..... thang

3. Đọc tin nhắn của Châu Anh và trả lời câu hỏi.

Dương ơi! Chiều nay chị đi học về muộn. Em cất giúp chị đôi giày trên sân thượng nhé. Chị cảm ơn em nhiều!

Chị

Châu Anh

a) Châu Anh nhắn tin cho ai?

.....
.....

b) Châu Anh nhắn điều gì?

.....
.....

c) Vì sao Châu Anh phải nhắn tin?

.....
.....

4. Em cùng mẹ đi siêu thị, lúc đó bố chưa về. Em hãy viết tin nhắn để bố yên tâm.

.....
.....
.....
.....
.....
.....

Tiết 1

1. Điền dấu câu thích hợp vào ô trống.

Thấy Nam leo lên giường nằm, mẹ hỏi:

– Sao hôm nay con đi ngủ sớm thế ☐

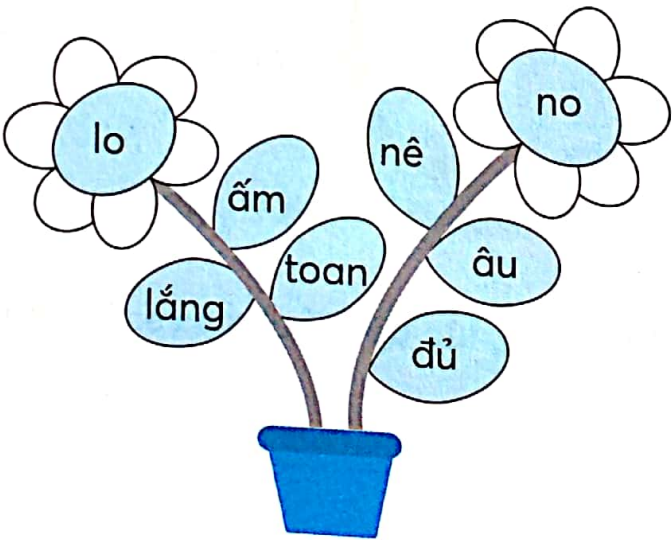
– Con đang tập viết văn ạ ☐

– Viết văn sao con lại nhắm mắt vậy ☐

– Thầy ra đề: Hãy kể về giấc mơ của em. Con nhắm mắt xem mình sẽ mơ gì, mẹ ạ.

(Theo Truyện cười học trò)

2. Ghép tiếng ở bông hoa với tiếng ở cành lá để tạo thành từ. Viết lại các từ vừa tìm được.



lo	lo lắng,.....
no	no ấm,.....

3. Điền d hoặc r vào chỗ trống.

LẤY TẮM CHO BÀ

Cô giáo ...ạy cháu về nhà
Ăn xong nhớ lấy cho bà cái tắm
Nhưng bà đãụng hếtăng
Cháu không còn được lấy tắm cho bà
Cháu điót nước bùnga
Chè thơm hương toả khắp nhà vui vui.

(Theo Định Hải)

Tiết 2 – 3

(Đề kiểm tra)

A. ĐỌC

1. Đọc thành tiếng và trả lời câu hỏi.

THỎ THẺ

Hôm nào ông có khách
Để cháu đun nước cho
Nhưng cái siêu nó to
Cháu nhờ ông xách nhé
Cháu ra sân rút rạ
Ông phải ôm vào cơ
Ngọn lửa nó bùng to
Cháu nhờ ông dập bớt

Khói nó chui ra bếp
Ông thổi hết khói đi!
Ông cười xoa: Thế thì
Lấy ai ngồi tiếp khách?

(Hoàng Tá)

- Người cháu nhận làm những việc gì để giúp ông tiếp khách?
- Theo em, nhân vật người cháu trong bài có đáng yêu không? Vì sao?



2. Đọc – hiểu:

MUA KÍNH

Có một anh nọ, thấy các ông bà già đeo kính xem sách cũng bắt chước ra chợ hỏi mua một đôi. Vào cửa hàng, anh ta bảo người bán hàng lấy kính cho anh ta chọn. Chọn đi chọn lại mãi, anh ta vẫn không ưng ý. Chủ cửa hàng bèn lấy đôi kính tốt nhất đưa ra.

Anh ta đeo vào, lấy cuốn lịch ra xem, vẫn lắc đầu chê xấu. Chủ cửa hàng lấy làm lạ, liếc thấy anh ta cầm cuốn lịch ngược mà xem, liền hỏi:

– Sao cái nào ông cũng chê xấu vậy?

Anh ta đáp:

– Kính tốt thì tôi đã xem được chữ rồi.

Chủ cửa hàng nói:

– Hay là ông không biết chữ?

– Biết chữ thì còn mua kính làm gì nữa!

(Theo *Truyện cười xưa và nay*)

Trả lời câu hỏi và thực hiện yêu cầu.

(1) Anh nọ đến cửa hàng để làm gì?

a. Mua kính

b. Mua sách

c. Mua lịch

(2) Câu nào trong văn bản cho thấy anh ta chọn kính rất lâu?

.....

.....

(3) Câu nói: "Kính tốt thì tôi đã xem được chữ rồi!" ý nói gì?

a. Anh ta không xem được chữ.

b. Anh ta đã xem được chữ.

c. Kính không tốt vì anh ta không xem được chữ.

(4) Anh ta có biết chữ hay không?

.....

(5) Theo em, câu chuyện có gì buồn cười?

.....

.....

(6) Xếp các từ ngữ dưới đây vào 3 nhóm:

tốt, kính, xấu, chữ, cửa hàng, mua, bán, cuốn lịch, lạ, đeo, chọn

Từ ngữ chỉ sự vật	Từ ngữ chỉ hoạt động	Từ ngữ chỉ đặc điểm
.....		
.....		
.....		
.....		

(7) Nối câu ở cột A với kiểu câu tương ứng ở cột B.

A

Đây là cửa hàng bán kính nổi tiếng.

Kính ở đây rất tốt.

Anh nọ vào cửa hàng để mua kính.

B

Câu nêu đặc điểm

Câu nêu hoạt động

Câu giới thiệu

B. VIẾT

1. Nghe – viết: *Thỏ thẻ*

2. Viết 3 – 5 câu tả một đồ vật em thường dùng.

.....

.....

.....

.....

.....